

Bản án số: 42/2019/HSST

Ngày: 29/11/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Lâm Văn Tám.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Bà: Lý Thị Đào

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Nhường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với:

1. **Bị cáo:** S.T.T. ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 09/11/2000. Nơi sinh: huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: ấp Phônôcambôth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp Phônôcambôth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ tên cha: Sơn Chào Hal, sinh năm: không xác định (chết). Họ tên mẹ: Lý Thị Sà Phol, sinh năm 1980 (còn sống). Anh, chị, em ruột: 02 người, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 2007. Bị cáo chưa có vợ. Tiền sự; Tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/8/2019 tại xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay. (Có mặt).

2. **Bị hại:** L.T.T.N. , sinh ngày 18/5/2002. (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Phônôcambóth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Người giám hộ cho bị hại L.T.T.N. : Bà L.N.T. , sinh năm 1999. (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Phônôcambóth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông L.T.T. , sinh năm 1985; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Phônôcambóth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3.2 Ông T.T.L. , sinh năm 1990. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Tâm Kiên, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3.3 Ông T.H. , sinh năm 1998. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Tâm Thọ, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3.4 Ông T.T.Đ. (Tổ), sinh năm 1992.(Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đại Chí, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người làm chứng:

4.1 Ông L.T. (Rất), sinh năm 1998; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Sô La 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4.2 Ông L.V.T. , sinh năm 1997. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Phônôcambóth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 16/5/2019, S.T.T. đi qua nhà của L.T.T.N. hỏi mượn xe gắn máy Biển kiểm soát 83PT-156.34 (do L.T.T. đứng tên chủ sở hữu) của Ngân để đưa ông Sơn Mười về chùa thì được Ngân đồng ý. Sau khi Tùng điều khiển xe gắn máy 83PT-156.34 chở ông Sơn Mười về đến chùa Phônôcambóth, xã Tham Đôn thì Tùng điều khiển xe quay về trả xe cho Ngân, do xe bị dùn sên và lỏng tay ga nên Ngân mượn Tùng đi sửa xe rồi đem về trả Ngân thì Tùng đồng ý. S.T.T. mới điều khiển xe gắn máy 83PT-156.34 đến tiệm sửa xe của L.T. ở ấp Sô La 2, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng để sửa, đến khoảng 12 giờ cùng ngày Tùng sửa xong. Lúc này, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Tùng mới nảy sinh ý định lấy xe gắn máy 83PT-156.34 của Ngân đi cầm lấy tiền tiêu xài nhưng Tùng không biết chỗ cầm xe. Khi Tùng đang đậu xe ngoài tuyến lộ nhựa gần tiệm sửa xe của L.T. thì có T.H. là bạn của Tùng đi ngang tiệm sửa xe của Lý Thanh, nên Tùng mới nhờ

Hoài đi cầm xe gắn máy 83PT-156.34 dùm thì Hoài đồng ý. Sau đó, Tùng giao chìa khóa và xe cho Hoài chạy xe đi cầm còn Tùng thì đứng ngoài lộ nhựa gần tiệm sửa xe của L.T. đợi. Hoài mới điều khiển xe gắn máy 83PT-156.34 đi cầm cho T.T.L. với giá 800.000 đồng, khi đi thì Hoài có điện thoại cho T.T.Đ. chạy xe theo để rước Hoài về. Khi về đến chỗ Tùng đứng đợi, Hoài lấy 300.000 đồng cho Điền tiền công đi cầm xe với Hoài, còn 500.000 đồng Hoài đưa cho Tùng, Tùng mới cho lại Hoài 200.000 đồng tiền công đi cầm xe, còn lại 300.000 đồng Tùng lấy tiêu xài cá nhân. Sau khi cầm xe, S.T.T. không về nhà mà bỏ trốn và ngủ ở những nhà hoang khu vực xã Đại Tâm.

Khi S.T.T. không đem xe về trả, cũng không liên lạc được với S.T.T. nên L.T.T.N. đến công an xã Tham Đôn trình báo sự việc. Qua trình báo, đến chiều ngày 18/5/2019 thì Công an xã Tham Đôn tiến hành rà soát, phát hiện và mời Tùng về làm việc, thì Tùng thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo S.T.T. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án thu hồi được: 01 xe gắn máy biển số 83PT-156.34; nhãn hiệu: HALIM; màu sơn: trắng; số loại: CKD50; số máy: MB302364; số khung: DT302364; 01 giấy đăng ký xe gắn máy Biển kiểm soát 83PT-156.34 tên L.T.T. đã trao trả cho chủ sở hữu xong.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Mỹ Xuyên kết luận: 01 (một) xe gắn máy biển số 83PT-156.34; nhãn hiệu HALIM; số loại: CKD50; số máy: MB302364; số khung: DT302364; màu sơn: Trắng; dung tích: 49; tài sản mua vào tháng 05/2014 với số tiền là: 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Giá trị thực tế trên thị trường là: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

Bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSMX ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo S.T.T. về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà bị hại L.T.T.N. trình bày: Do tin tưởng vào bị cáo S.T.T. nên đã cho bị cáo mượn xe gắn máy biển số 83PT-156.34 để chở Sơn Mười về sau đó có nhờ bị cáo Tùng đi sửa xe nhưng Tùng không trả xe mà lấy xe đi cầm để lấy tiền tiêu sài cá nhân nên mới trình báo với cơ quan công an để xử lý. Tại phiên toà bị hại nhận lại được tài sản, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo S.T.T. .

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan T.H. và T.T.Đ. trình bày: Bị cáo S.T.T. có nhờ đi cầm xe gắn máy nhưng không biết xe đó là do bị cáo

mượn của bị hại L.T.T.N. . Sau khi cầm xe xong, bị cáo S.T.T. có đưa cho T.H. và T.T.Đ. số 500.000 đồng nhưng khi biết được sự việc đã nộp bồi thường cho T.T.L. . Tại phiên tòa T.H. và T.T.Đ. không có yêu cầu gì khác.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan T.T.L. trình bày: có nhận cầm chiếc xe gắn máy biển số 83PT-156.34 với số tiền 800.000 đồng từ T.H. nhưng không biết đó là xe do bị cáo S.T.T. mượn của bị hại L.T.T.N. . Sau khi biết được sự việc thì đã tự nguyện giao nộp xe gắn máy 83PT-156.34 cho Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ đồng thời đã nhận đủ số tiền cầm xe nên T.T.L. không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo S.T.T. theo như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo S.T.T. phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, điểm i điểm s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 3 Điều 54 Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo S.T.T. từ 03 tháng đến 05 tháng tù giam; thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự bị cáo S.T.T. đã tự nguyện giao nộp 300.000 đồng, T.H. đã tự nguyện giao nộp 500.000 đồng bồi thường cho T.T.L. , T.T.L. cũng đã nhận đủ tiền, không yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Xe gắn máy biển số 83PT-156.34; nhãn hiệu: HALIM; màu sơn: trắng; số loại: CKD50; số máy: MB302364; số khung: DT302364;01 giấy đăng ký xe gắn máy Biển kiểm soát 83PT-156.34 tên L.T.T. đã trao trả cho chủ sở hữu xong không đề nghị xem xét.

Bị cáo S.T.T. thống nhất với nội dung bản cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, mức hình phạt đề nghị là phù hợp, nhưng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Xuyên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện theo quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết

định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L.T.T. , T.T.L. , T.H. và người làm chứng L.T. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo và những chứng cứ đã thu thập nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho quá trình xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo S.T.T. đã thừa nhận vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 16/5/2019 có mượn xe gắn máy Biển kiểm soát 83PT-156.34 của L.T.T.N. để sử dụng sau đó Ngân có nhờ bị cáo đi sửa xe nhưng bị cáo không sửa mà đem xe đi cầm cho anh T.T.L. với số tiền là 800.000 đồng rồi bỏ trốn nhằm mục đích không trả lại tài sản cho Ngân, chiếm đoạt tiền để tiêu xài cá nhân. Nhận thấy, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với Biên bản tiếp nhận tố giác tội phạm, Biên bản thu hồi vật chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Mỹ Xuyên; Kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Xuyên. Phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo S.T.T. đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo S.T.T. khi thực hiện hành vi phạm tội là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên truy tố bị cáo S.T.T. về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo S.T.T. là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản người khác, được pháp luật bảo vệ mà còn gây tác động, dư luận xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo S.T.T. phải bị xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở

thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe cho người khác, góp phần vào công tác ngăn ngừa, phòng chống tội phạm chung.

Từ những nhận định trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo S.T.T. lợi dụng sự tin tưởng của bị hại khi cho mượn xe gắn máy Biển kiểm soát 83PT-156.34 để sử dụng, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem đi cầm xe lấy tiền tiêu xài rồi bỏ trốn nhằm không trả lại tài sản cho bị hại. Nên bị cáo đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015(được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo S.T.T. thấy rằng: Bị cáo S.T.T. trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự; bị cáo là người dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là những tình tiết thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại theo điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Vì vậy, ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo S.T.T. là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để quyết định một hình phạt tù có thời hạn tương xứng tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[5] Về xử lý vật chứng: Xe gắn máy biển số 83PT-156.34; nhãn hiệu: HALIM; màu sơn: trắng; số loại: CKD50; số máy: MB302364; số khung: DT302364; 01 giấy đăng ký xe gắn máy Biển kiểm soát 83PT-156.34 tên L.T.T. đã trao trả cho chủ sở hữu xong hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Trách nhiệm dân sự: S.T.T. đã tự nguyện giao nộp 300.000 đồng, T.H. đã tự nguyện giao nộp 500.000 đồng bồi thường cho T.T.L. , T.T.L. cũng đã nhận đủ tiền, không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Buộc bị cáo S.T.T. phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Đối với T.H. và Trầm Thanh Điền, không biết việc S.T.T. mượn xe của bị hại sử dụng nên có nhận đi cầm xe cho bị cáo Tùng, do đó không liên quan đến hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Tùng nên không bị xử lý là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với T.T.L. có hành vi cầm xe gắn máy Biển kiểm soát 83PT-156.34, nhưng không biết đó là xe mà S.T.T. mượn của người khác và việc cầm này là trái ý muốn của chủ sở hữu xe. Đồng thời, sau khi biết sự việc đã tự nguyện giao nộp xe trả lại, nên hành vi của T.T.L. không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm a Khoản 1 Điều 175; điểm h, điểm i, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38, Điều 50, Khoản 3 Điều 54, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo S.T.T. phạm tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*.

1. Xử phạt: Bị cáo S.T.T. 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình tù tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Buộc bị cáo S.T.T. phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng được tính

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm..

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THA huyện Mỹ Xuyên;
- CQ CSĐT-CA huyện Mỹ Xuyên;
- Bị cáo; Bị hại NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn